Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN I:
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH LAI CHÂU

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (05 TTHC)

TT	Tên TTHC sau khi sửa đổi, bổ sung	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung	Tên văn bản quy định nội dung được sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
1	Trình tự chuẩn bị dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (1.0009491)	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)	- Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư - Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2025 quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu (Số thứ tự 29 Phụ lục I)
2	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán (1.009492)	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)	- Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư - Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2025 quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu (Số thứ tự 30 Phụ lục I)
3	Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch	Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn	- Luật Đầu tư công năm 2024. - Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết	Quản lý đầu tư công	Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu Về việc công bố thủ tục hành

TT	Tên TTHC sau khi sửa đổi, bổ sung	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung	Tên văn bản quy định nội dung được sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
	đầu tư công trung hạn		thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. - Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.		chính nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu (Số thứ tự 17 Phụ lục I)
4	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công	- Luật Đầu tư công năm 2024. - Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. - Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.	Quản lý đầu tư công	Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu (Số thứ tự 18 Phụ lục I)
5	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương	- Luật Đầu tư công năm 2024. - Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. - Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành	Quản lý đầu tư công	Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu (Số thứ tự 19 Phụ lục I)

TT	Tên TTHC sau khi sửa đổi, bổ sung	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung	Tên văn bản quy định nội dung được sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
			một số điều của Luật Đầu tư công.		

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC THAY THẾ (02 TTHC)

TT	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Tên văn bản quy định nội dung được thay thế	Lĩnh vực	Số QĐ đã công bố TTHC thay thế
1	Xét duyệt quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (6.004034)	Thẩm định quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách	- Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; - Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.	Quản lý đầu tư công	Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu (Số thứ tự 20 tại Phụ lục I)
2	Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công (6.004043)	Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công	- Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; - Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.	Quản lý đầu tư công	Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu (Số thứ tự 21 tại Phụ lục I)

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ BỊ BÃI BỎ (02 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung được bãi bỏ	Lĩnh vực	Số QĐ đã công bố TTHC được bãi bỏ
1	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết	- Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của	Đầu tư theo	Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 23/5/2025

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung được bãi bỏ	Lĩnh vực	Số QĐ đã công bố TTHC được bãi bỏ
	định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh) (1.0009493)	Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư - Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2025 quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao	phương thức đối tác công tư (PPP)	của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu (Số thứ tự 31 tại Phụ lục I)
2	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (Cấp tỉnh) (1.009494)	- Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư - Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2025 quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu (Số thứ tự 32 tại Phụ lục I)

PHẦN II:
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH LAI CHÂU

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. Trình tự chuẩn bị dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất

1. Trình tự thực hiện:

a) Đối với dự án thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư:

(i) Nhà đầu tư gửi văn bản đề xuất thực hiện dự án PPP đến cơ quan có thẩm quyền theo hình thức trực tiếp hoặc qua bưu chính.

(ii) Cơ quan có thẩm quyền xem xét, trả lời bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

b) Đối với dự án không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư:

(i) Nhà đầu tư gửi văn bản đề xuất thực hiện dự án PPP đến cơ quan có thẩm quyền theo hình thức trực tiếp hoặc qua bưu chính. Trường hợp đề xuất áp dụng quy trình thực hiện dự án quy định tại khoản 4 Điều 11 của Luật PPP, nhà

đầu tư phải thuyết minh căn cứ áp dụng.

(ii) Cơ quan có thẩm quyền xem xét, trả lời bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua bưu chính.

3. Thành phần hồ sơ:

Văn bản chấp thuận việc nhà đầu tư đề xuất dự án gồm các nội dung sau:

+ Tên nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất dự án;

+ Thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ đề xuất dự án; cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ của nhà đầu tư;

+ Quy định về trách nhiệm của nhà đầu tư chịu mọi chi phí, rủi ro trong trường hợp hồ sơ đề xuất dự án không được chấp thuận và nguyên tắc xử lý trong trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án không được lựa chọn;

+ Trách nhiệm, cách thức phối hợp của các cơ quan có liên quan trong việc hướng dẫn nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất dự án;

+ Các nội dung khác có liên quan.

4. Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất thực hiện dự án của nhà đầu tư.

6. Cơ quan thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án PPP có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công; dự án áp dụng loại hợp đồng O&M; dự án được Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác giao làm cơ quan có thẩm quyền).

7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, Cá nhân.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư).

- Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi (đối với dự án không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư).

9. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14;

- Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;

- Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

- Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

- Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2025 quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao.

II. Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán

1. Trình tự thực hiện:

a) Trình tự đề xuất, thẩm định, phê duyệt dự án BT không yêu cầu thanh toán do nhà đầu tư đề xuất

(i) Nhà đầu tư gửi văn bản đề xuất thực hiện dự án BT không yêu cầu thanh toán đến cơ quan có thẩm quyền;

(ii) Cơ quan có thẩm quyền xem xét, trả lời bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi và dự thảo hợp đồng.

(iii) Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận:

- Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề xuất dự án gửi đến người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền.

- Đơn vụ thẩm định dự án tổ chức thẩm định hồ sơ đề xuất dự án;

- Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án kèm theo dự

thảo hợp đồng.

(iv) Trường hợp hồ sơ đề xuất dự án không được chấp thuận thì nhà đầu tư chịu mọi chi phí, rủi ro.

b) Trình tự điều chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất

(i) Nhà đầu tư nộp hồ sơ điều chỉnh dự án đến người đứng đầu Cơ quan có thẩm quyền.

(ii) Đơn vị thẩm định dự án tổ chức thẩm định hồ sơ đề xuất điều chỉnh dự án;

(iii) Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh dự án kèm theo dự thảo hợp đồng.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua bưu chính.

3. Thành phần hồ sơ:

a) Đối với trình tự đề xuất, thẩm định, phê duyệt dự án BT không yêu cầu thanh toán do nhà đầu tư đề xuất

- Văn bản chấp thuận việc nhà đầu tư đề xuất dự án gồm các nội dung sau:

+ Tên nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất dự án;

+ Thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ đề xuất dự án; cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ của nhà đầu tư;

+ Quy định về trách nhiệm của nhà đầu tư chịu mọi chi phí, rủi ro trong trường hợp hồ sơ đề xuất dự án không được chấp thuận và nguyên tắc xử lý trong trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án không được lựa chọn;

+ Trách nhiệm, cách thức phối hợp của các cơ quan có liên quan trong việc hướng dẫn nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất dự án;

+ Các nội dung khác có liên quan.

b) Đối với trình tự điều chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất

- Hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án BT không yêu cầu thanh toán do nhà đầu tư đề xuất bao gồm:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt (điều chỉnh) dự án;

+ Dự thảo quyết định phê duyệt (điều chỉnh) dự án;

+ Dự thảo hợp đồng (đối với dự án áp dụng hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán);

+ Nội dung điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, nội dung điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

+ Báo cáo thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, nội

dung điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

+ Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

4. Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết:

a) Đối với trình tự đề xuất, thẩm định, phê duyệt dự án BT không yêu cầu thanh toán do nhà đầu tư đề xuất:

- Thời hạn trả lời bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi và dự thảo hợp đồng: 05 ngày làm việc.

b) Đối với trình tự điều chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất

- Thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi: Không quá 15 ngày.

- Thời hạn phê duyệt dự án PPP: Không quá 05 ngày làm việc.

6. Cơ quan thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

7. Đối tượng thực hiện: Tổ chức, Cá nhân.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

a) Đối với trình tự đề xuất, thẩm định, phê duyệt dự án BT không yêu cầu thanh toán do nhà đầu tư đề xuất

- Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi và dự thảo hợp đồng.

b) Đối với trình tự điều chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất

- Báo cáo thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án BT không yêu cầu thanh toán do nhà đầu tư đề xuất.

- Báo cáo thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án BT không yêu cầu thanh toán.

- Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án BT không yêu cầu thanh toán do nhà đầu tư đề xuất.

9. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, gồm:

- Phụ lục II - Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP;

- Phụ lục II - Mẫu số 02: Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án PPP;

- Phụ lục II - Mẫu số 03: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án PPP;

- Phụ lục II – Mẫu số 04: Quyết định phê duyệt dự án PPP.

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán do nhà đầu tư đề xuất đề xuất phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Sự cần thiết đầu tư;

- Phù hợp với ngành, lĩnh vực quy định tại khoản b khoản 1 Điều 4 của Luật PPP; có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án thuộc ngành, lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội;

- Không trùng lặp với dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án;

- Không trùng với dự án PPP đang được cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc đã chấp thuận nhà đầu tư khác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo nghiên cứu khả thi;

- Phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14;

- Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;

- Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

- Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ

quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

- Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

III. Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm

1. Đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn

*** Trình tự thực hiện:**

a) Trước ngày 15 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chỉ thị về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau.

b) Trước ngày 01 tháng 7 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn sau.

c) Căn cứ quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

- Hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương lập nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

- Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

- Tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp tỉnh, xã chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, gửi Bộ Tài chính theo tiến độ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

d) Trước ngày 15 tháng 12 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn, Bộ Tài chính trình Chính phủ dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển trong giai đoạn sau cho từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Thủ tướng Chính phủ thông báo tổng mức vốn đầu tư công của giai đoạn sau cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

e) Trên cơ sở dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư công trong giai đoạn sau đã được Chính phủ phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

- Thông báo dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư công trong giai đoạn sau cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân các cấp làm cơ sở để lập dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

- Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến trước 31 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

- Giao Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước ngày 31 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước và hoàn thiện, gửi Ủy ban nhân dân cấp trên theo quy định;

- Tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp tỉnh, xã chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác và các nội dung theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, gửi Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 8 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

f) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, trình Chính phủ trình Quốc hội tại kỳ họp cuối năm của năm thứ năm nhiệm kỳ Quốc hội về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau để Quốc hội cho ý kiến về các nội dung theo quy định tại Điều 52 của Luật Đầu tư công.

g) Trên cơ sở ý kiến của Quốc hội tại cuối năm của năm thứ năm nhiệm kỳ Quốc hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

- Giao cơ quan, đơn vị trực thuộc hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, gửi cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trước ngày 10 tháng 3 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn;

- Giao Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt trước ngày 10 tháng 3 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau và gửi Ủy ban nhân dân cấp trên theo quy định;

- Tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp tỉnh, xã chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác và các nội dung theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, gửi Bộ Tài chính theo tiến độ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

*** Cách thức thực hiện:** Thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống bưu chính

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường.

*** Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Theo quy định tại Điều 59 Luật Đầu tư công, Điều 43 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/04/2025 của Chính phủ và Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ.

*** Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai***:* Không quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15).

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư công (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15).

2) Đối với kế hoạch đầu tư công hằng năm

*** Trình tự thực hiện:**

a) Trước ngày 15 tháng 5 hằng năm, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau, bao gồm mục tiêu, định hướng chủ yếu và giao nhiệm vụ triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công năm sau.

b) Trước ngày 15 tháng 6 hằng năm, Bộ Tài chính hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập kế hoạch đầu tư công năm sau.

c) Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương hướng dẫn cơ quan, đơn vị cấp dưới lập kế hoạch đầu tư công năm sau.

d) Trước ngày 30 tháng 7 hằng năm, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước hằng năm, gửi Bộ Tài chính.

e) Trước ngày 10 tháng 8 hằng năm, Bộ Tài chính trình Chính phủ dự kiến khả năng thu, chi ngân sách nhà nước và chi đầu tư phát triển vốn ngân sách nhà nước kế hoạch năm sau.

f) Tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp kế hoạch đầu tư công năm sau, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.

g) Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch đầu tư công hằng năm, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, gửi Bộ Tài chính trước ngày 01 tháng 9 hằng năm.

*** Cách thức thực hiện:** Thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống bưu chính

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường.

*** Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Theo quy định tại điều 60 Luật Đầu tư công, Điều 44 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/04/2025 của Chính phủ và Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ.

*** Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15).

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư công (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15).

IV. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công

1. Trình tự thực hiện:

a) Đối với việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn NSTW

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách trung ương của cơ quan, địa phương mình, trình báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại kỳ họp gần nhất. Gửi báo cáo cho Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi đối với vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu.

b) Đối với việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn NSĐP

- Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương, trong trường hợp không vượt tổng mức vốn trung hạn và hàng năm đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định; báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất;

2. Cách thức thực hiện: Thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

4. Thời hạn giải quyết: Chưa quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư công; Điều 50 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/04/2025 của Chính phủ và Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:* Không quy định

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15).

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Đầu tư công (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15).

V. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư

1) Đối với vốn NSTW

*** Trình tự thực hiện:**

- Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố có nhu cầu kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn ngân sách trung ương hằng năm đối với dự án thuộc các trường hợp quy định tại khoản khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư công, gửi văn bản đến Sở Tài chính.

- Sở Tài chính chủ trì, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2) Đối với NSĐP

- Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các xã, phường có nhu cầu kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn ngân sách địa phương hằng năm đối với dự án thuộc các trường hợp quy định tại khoản khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư công, gửi văn bản đến Sở Tài chính.

- Sở Tài chính chủ trì, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép kéo dài.

*** Cách thức thực hiện:** Thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống bưu chính

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định

*** Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường.

*** Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư công.

*** Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai***:* Không quy định

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15).

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư công (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15).

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC THAY THẾ

I. Xét duyệt quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư báo cáo quyết toán theo niên độ gửi các sở, ban, ngành tỉnh (được phân cấp quản lý) trước ngày 31 tháng 3 năm sau năm quyết toán.

- Bước 2: Các Sở, ban, ngành tỉnh xét duyệt báo cáo của các chủ đầu tư; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 4 năm sau năm quyết toán.

Trường hợp báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư lập chưa đúng quy định, sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (được phân cấp quản lý) yêu cầu chủ đầu tư giải trình, cung cấp thông tin, số liệu cần thiết, điều chỉnh hoặc yêu cầu lập lại báo cáo để xét duyệt theo quy định. Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (được phân cấp quản lý) yêu cầu chủ đầu tư nộp các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư sử dụng vốn không đúng quy định.

- Bước 3:

Các phòng giao dịch thuộc KBNN khu vực IX địa bàn tỉnh Lai Châu tổng hợp, lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (phần Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý) trước ngày 01 tháng 3 năm sau năm quyết toán.

Kho bạc khu vực IX địa bàn tỉnh Lai Châu tổng hợp báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do kho bạc nhà nước kiểm soát thanh toán gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 4 năm sau năm quyết toán.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử theo quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo hướng dẫn tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ và Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 của Bộ Tài chính.

4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các Sở, ban, ngành, các Chủ đầu tư được giao vốn đầu tư do tỉnh quản lý.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tài chính.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo xét duyệt quyết toán.

8. Phí, lệ phí: Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 của Bộ Tài chính.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

- Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

II. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công

1. Trình tự thực hiện: Chủ đầu tư gửi hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập hồ sơ trình duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành để trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sau khi đã thẩm tra xong quyết toán.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử theo quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo hướng dẫn tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ và Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 của Bộ Tài chính.

- Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ (thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ) đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành. Hồ sơ là bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính hoặc bản được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập hồ sơ trình duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành để trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sau khi đã thẩm tra xong quyết toán (theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ).

a) Đối với dự án đầu tư công hoàn thành, công trình, hạng mục công trình hoàn thành, dự án đầu tư công dừng thực hiện có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành của chủ đầu tư. Trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và kiểm toán độc lập. Trường hợp các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra (sau đây gọi là thanh tra), kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, cơ quan pháp luật đã thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án, trong tờ trình chủ đầu tư phải nêu rõ việc chấp hành các kiến nghị, kết luận của các cơ quan trên.

- Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ và Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 của Bộ Tài chính.

- Các văn bản pháp lý có liên quan.

- Hồ sơ quyết toán chi phí của toàn bộ dự án; trong đó, hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm các tài liệu: Hợp đồng và các phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có); các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (sau đây gọi là quyết toán A

- B) theo Mẫu số 03.c/QT; biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng liên quan đến nội dung thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

- Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng (nếu có).

- Báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán.

- Báo cáo kiểm toán hoặc thông báo kết quả kiểm toán (sau đây gọi chung là báo cáo kiểm toán), kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm của các cơ quan Kiểm toán nhà nước, thanh tra, kiểm tra trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp dự án có vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra. Báo cáo của chủ đầu tư kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các kiến nghị của các cơ quan nêu trên.

b) Đối với dự án quy hoạch, dự án chuẩn bị đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, dự án dừng thực hiện chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành của chủ đầu tư. Trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, văn bản phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và kiểm toán độc lập. Trường hợp các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, cơ quan pháp luật đã thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án, trong văn bản chủ đầu tư phải nêu rõ việc chấp hành các kiến nghị, kết luận của các cơ quan trên.

- Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ và Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 của Bộ Tài chính.

- Các văn bản pháp lý có liên quan.

- Hồ sơ quyết toán chi phí của toàn bộ dự án; trong đó, hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm các tài liệu: Hợp đồng và các phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có), các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán (trừ trường hợp chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị); văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có), biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo hợp đồng (nếu có), quyết toán A - B theo Mẫu số 03.c/QT (nếu có), biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

- Báo cáo kiểm toán của kiểm toán độc lập trong trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán.

4. Thời hạn giải quyết:

Dự án	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C
Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt	09 tháng	06 tháng	04 tháng
Thời gian thẩm tra quyết toán	08 tháng	05 tháng	04 tháng
Thời gian phê duyệt quyết toán	01 tháng	20 ngày	15 ngày

- Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành trình phê duyệt được tính từ ngày dự án, công trình được ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc ngày có hiệu lực của văn bản cho phép dừng thực hiện dự án đến ngày chủ đầu tư nộp đầy đủ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.

- Thời gian thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán nhận đủ hồ sơ quyết toán (theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ) đến ngày trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

- Thời gian phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được tính từ ngày người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán (theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định này) nhận đủ hồ sơ trình duyệt quyết toán (theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ) đến ngày ban hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân liên quan đến thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

(1). Thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

a) Đối với dự án quan trọng quốc gia và các dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư:

Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt quyết toán đối với dự án hoặc dự án thành phần, tiểu dự án độc lập sử dụng vốn đầu tư công giao cơ quan, đơn vị mình quản lý.

Chủ đầu tư phê duyệt quyết toán đối với dự án thành phần, tiểu dự án độc lập không sử dụng vốn đầu tư công.

b) Đối với các dự án khác: người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành hoặc ủy quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

c) Trong và sau quá trình kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp được thực hiện theo các trường hợp sau:

Trường hợp dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bàn giao cho cấp tỉnh quản lý: cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp tỉnh nhận bàn giao dự án sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm của cấp huyện đối với việc quyết toán dự án hoàn thành. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Trường hợp dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bàn giao cho cấp xã quản lý: cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp xã nhận bàn giao sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm của cấp huyện đối với việc quyết toán dự án hoàn thành. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

d) Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, được phân cấp hoặc ủy quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về tổ chức chính phủ, pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương.

(2). Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

a) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra.

b) Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý: Đối với cấp xã có tổ chức phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng chuyên môn có chức năng về tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra; đối với cấp xã không tổ chức phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng công chức chuyên môn thuộc quyền quản lý để thẩm tra.

c) Đối với các dự án khác: người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán trước khi phê duyệt.

d) Trường hợp cần thiết, cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì thẩm tra quyết toán báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định thành lập Tổ thẩm tra quyết toán để thực hiện thẩm tra quyết toán trước khi trình phê duyệt quyết toán. Thành phần của Tổ thẩm tra quyết toán gồm đại diện có thẩm quyền của các đơn vị, cơ quan có liên quan. Nhiệm vụ của thành viên Tổ thẩm tra quyết toán do người có thẩm quyền thành lập Tổ quyết định.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

8. Phí, Lệ phí: Không quy định.

Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

- Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.